

MPE®

CATALOGUE

Industrial Plugs and Sockets 2017

MPE **MANH PHUONG ELECTRIC**

Email: info@mpe.com.vn
www.mpe.com.vn

■ **MPE HCM**

272A Nguyen Trai St, Ward 8, Dist. 5, HCMC, Vietnam
Tel: (84-8) 3924 1853 - Fax: (84-8) 3924 1602

■ **MPE Ha Noi**

126 - 127 Dai Kim Street, Hoang Mai District, Ha Noi, Vietnam
Tel: (84-4) 625 98878

■ **MPE Da Nang**

208 Dien Bien Phu St., Da Nang City, Vietnam
Tel: (84-511) 372 6286 - Fax: (84-511) 372 6287

■ **MPE Can Tho**

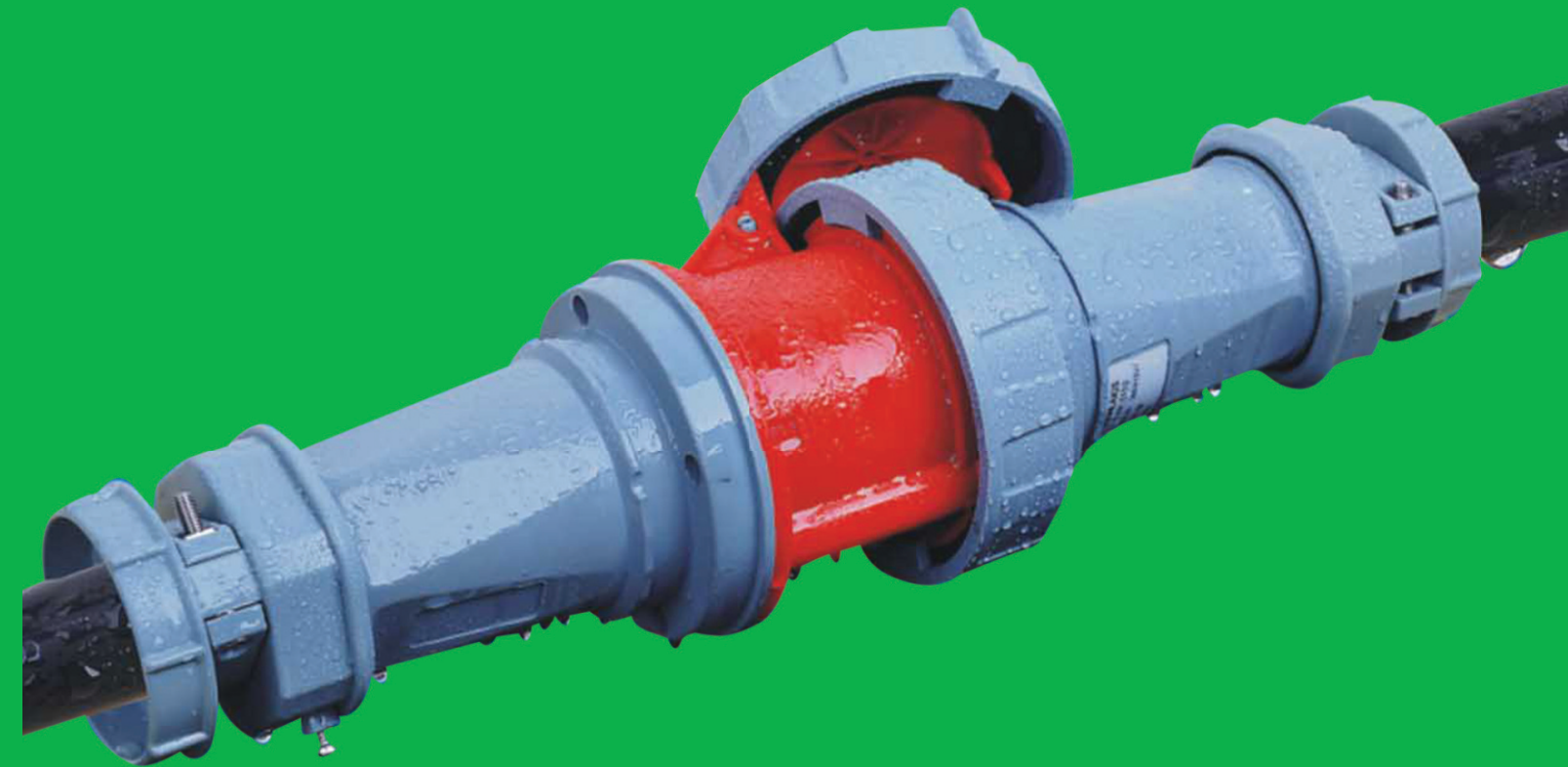
239, 30/4 St., Hung Loi Ward, Ninh Kieu Dist., Can Tho City, Vietnam
Tel: (+84-710) 625 0079 - Fax: (+84-710) 625 0939

■ **MPE USA:**

1 Coleman St., The Adelphi Tower, Singapore
Tel: (+65) 6333 4753 - Fax: (+65) 3924 1602

■ **MPE Factory:**

Lot II - 6, Industry Group II, 11st Street, Tan Binh Industry Park, HCMC, Vietnam
Tel: (08) 3816 5296 - Fax: (08) 3816 5299





FACTORY MPE 2017



MPE®

INTRODUCTORY

The first word on behalf of power companies Manh Phuong, please send gratitude to our customers for favors and support our company during the past years.

Founded in 1999, so far with the branch network and representative offices spread across 3 North, Central, South, distribution of electrical equipment MPE 63 provinces, with 1500 retail agents, covering the whole territory of Vietnam, and not only in 3 countries Singapore, Laos, Cambodia but MPE will commit to expanding the market to many countries around the world.

Customer MPE brand known for high quality products, modern design, rich and diverse as: Conduit wires, electrical switches & sockets, lights, LED lights, Packing equipment cutting, electrical panels, plugs & sockets industrial so on As a manufacturer of electric appliances in Vietnam, MPE has constantly researched and developed to diversify products, brings to consumers high quality products and reasonable price.

All branded products MPE closely inspected by quality management system ISO 9001 advanced: 2008, with the advantages of modern production lines of Europe, the MPE has been created confidence in the engineers, design consultants, contractors and consumers in the last 15 years.

Warmest thanks and hope to get the cooperation of our customers.

MANH PHUONG ELECTRIC
General Director

NGUYEN TAM MANH

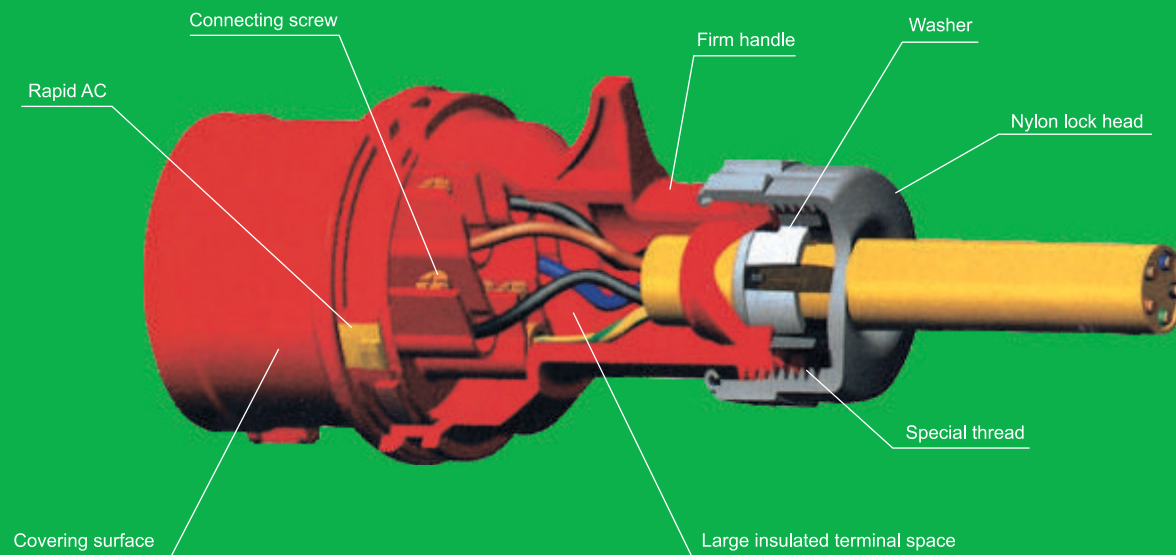


Voltage V	Frequency Hz	2P+E		3P+E		3P+N+E	
		16+32A	63+125A	16+32A	63+125A	16+32A	63+125A
57/100 to 75/130	50 and 60					4	4
100 to 130	50 and 60	4	4	4	4		
120/208 to 144/250	50 and 60					9	9
200 to 250	50 and 60	6	6	9	9		
200/346 to 240/415	50 and 60					6	6
220/380 250/440	50 60					3	3
250/440 to 265/460	60					11	11
277/480 to 288/500	50 and 60					7	7
347/600 to 400/690	50 and 60					5	5
380 to 415	50 and 60	9	9	6	6		
380 440	50 60			3	3		
440 to 460	60			11	11		
480 to 500	50 and 60	7	7	7	7		
600 to 690	50 and 60			5	5		
1000	50 and 60					8	
> 50	100 to 300	10	10	10	10	10	10
> 50	>300 to 500	2	2	2	2	2	2
> 50 to 250	DC	3	3				
> 250	DC	8	8				
supply by isolating transformer	50 and 60	12	12	12	12	12	12
All rated operating voltage and/or frequencies not covered by other configurations.		1	1	1	1	1	1

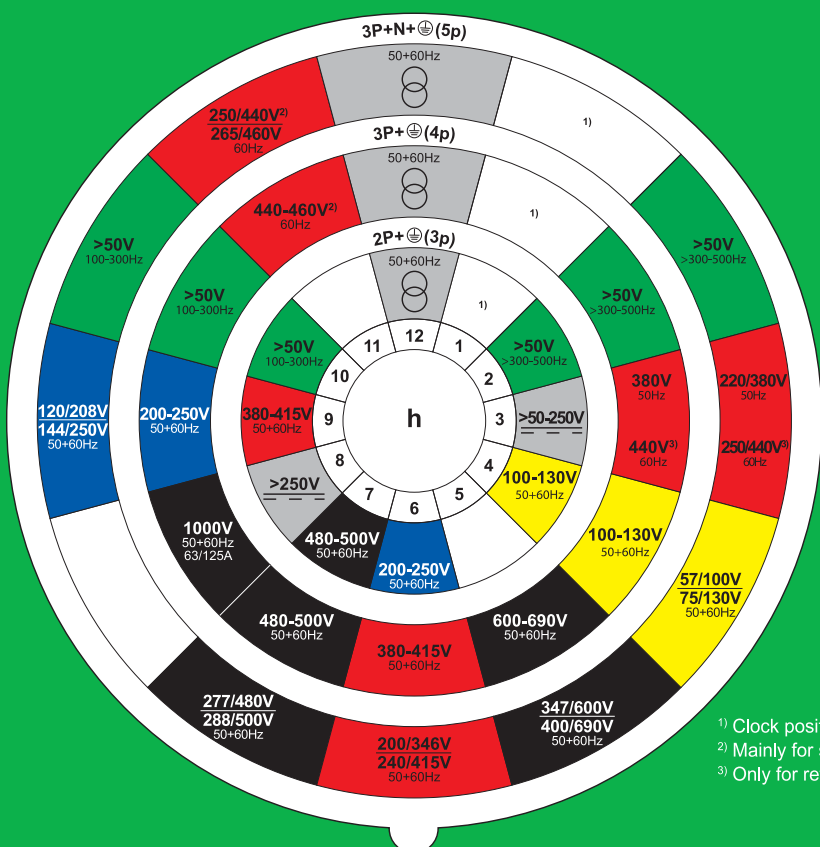
COLOUR CODES

For ease of identification of the various voltages and frequencies all CEE plugs and sockets are colour coded:

Rated operating voltage:	Colour code:
20-25V	violet
40-50V	white
100-130V	yellow
200-250V	blue
380-480V	red
500-1000V	black
> 60-500Hz	green
no colour code	grey



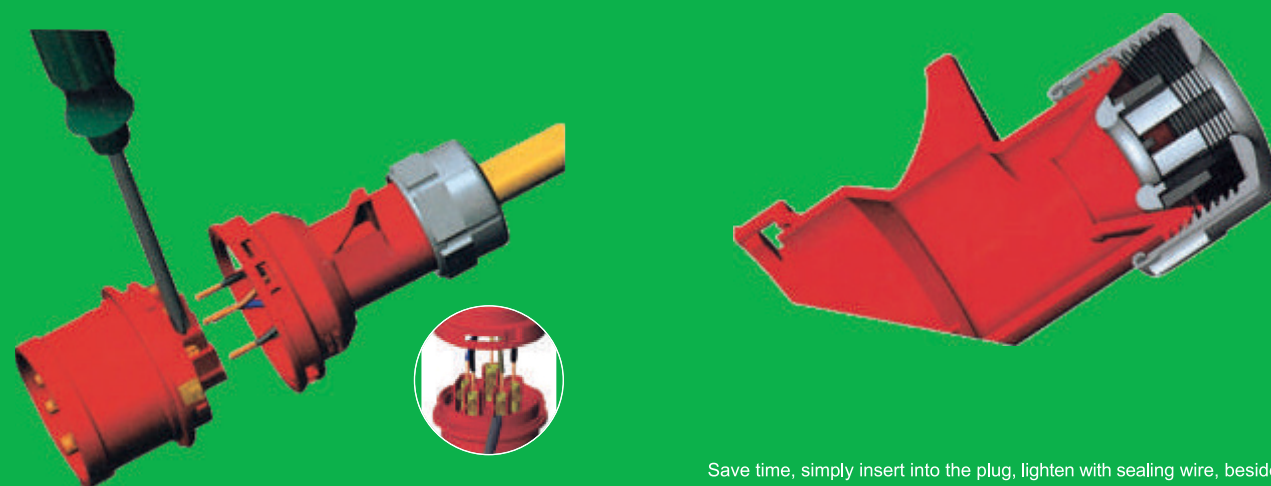
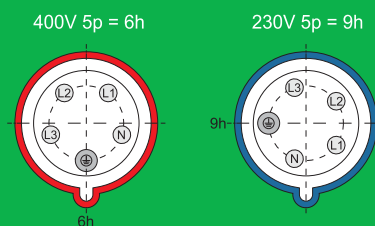
INTERNATIONAL RATING – SERIE I
for appliances >50V – details see table above



1) Clock position not standardized and free for use for special applications
2) Mainly for ship installations
3) Only for refrigerated containers

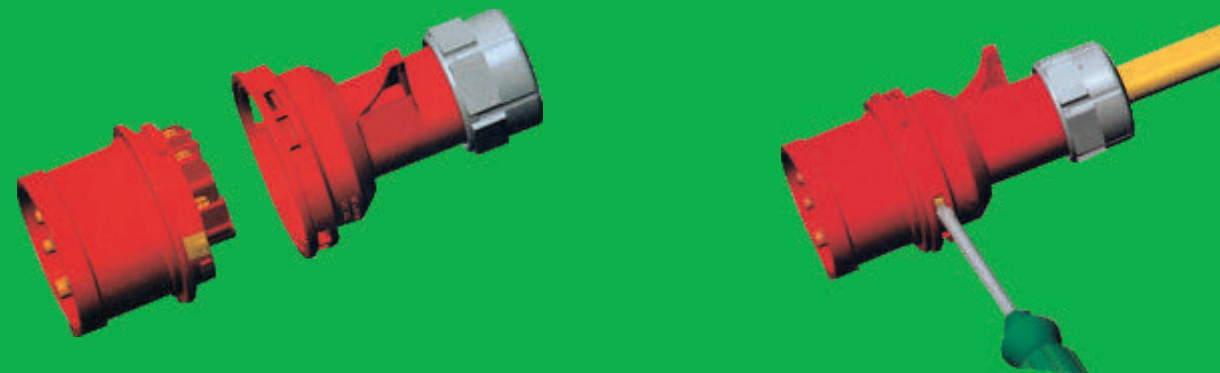
Position of the earthing contact.
View: frontside socket or connector

Example:



May reach from one direction, in addition, can be locked and opened.

Save time, simply insert into the plug, lighten with sealing wire, besides, a washer parting the cable lock which can adapt to different cables diameters, protect the cable to the max extent and inversely twisting the safety position.



Because the plug and rapid lock system aren't assembled with screw, they also can be locked easily, the time can be saved.

Open the lock simply and can be opened through rotating.

PHÍCH CẢM LOẠI DI ĐỘNG CÓ KẸP GIỮ DÂY

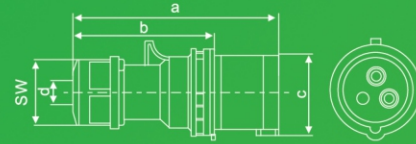
MPE



MPN-013 MPN-023

Vị trí cực nối đất	4h	
Dòng điện định mức (A)	16	32
Số cực	3	
Kích thước (mm)	a	118
	b	82
	c	47
	d	6-15
	sw	38
Tiết diện định mức dây cáp (mm ²)	1-2.5	2.5-6

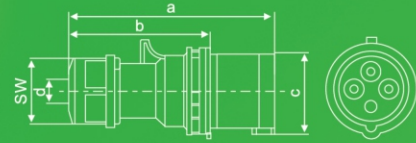
Current(A): 16A, 32A
Voltage(V): 240~2P+E
Protection degree: IP44



MPN-014 MPN-024

Vị trí cực nối đất	6h	
Dòng điện định mức (A)	16	32
Số cực	4	
Kích thước (mm)	a	124
	b	88
	c	53
	d	6-15
	sw	38
Tiết diện định mức dây cáp (mm ²)	1-2.5	2.5-6

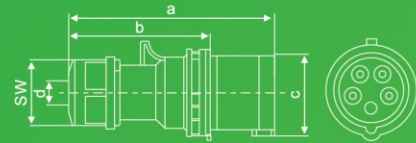
Current(A): 16A, 32A
Voltage(V): 380-415V~3P+E
Protection degree: IP44



MPN-015 MPN-025

Vị trí cực nối đất	6h	
Dòng điện định mức (A)	16	32
Số cực	5	
Kích thước (mm)	a	131
	b	95
	c	61
	d	8-16
	sw	42
Tiết diện định mức dây cáp (mm ²)	1-2.5	2.5-6

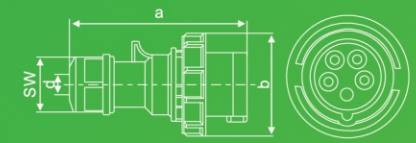
Current(A): 16A, 32A
Voltage(V): 220-380V~ 3P+N+E
240-415V~
Protection degree: IP44



MPN-0252

Vị trí cực nối đất	6h	
Dòng điện định mức (A)	32	
Số cực	5	
Kích thước (mm)	a	152
	b	100
	d	10-20
	sw	50
Tiết diện định mức dây cáp (mm ²)	2.5-6	

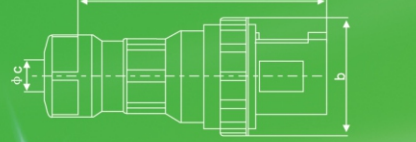
Current(A): 16A, 32A
Voltage(V): 220-380V~ 3P+N+E
240-415V~
Protection degree: IP67



MPN-0342 MPN-044k

Vị trí cực nối đất	6h	
Dòng điện định mức (A)	63	125
Số cực	4	
Kích thước (mm)	a	240
	b	115
	c	30
Tiết diện định mức dây cáp (mm ²)	6-16	16-50

Current(A): 63A, 125A
Voltage(V): 380-415V~3P+E
Protection degree: IP67



MPN-0352 MPN-045k

Vị trí cực nối đất	6h	
Dòng điện định mức (A)	63	125
Số cực	5	
Kích thước (mm)	a	240
	b	115
	c	30
	c	44.5
Tiết diện định mức dây cáp (mm ²)	6-16	16-50

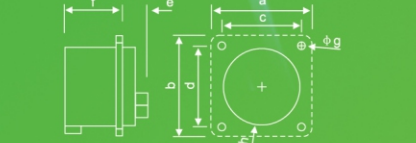
Current(A): 63A, 125A
Voltage(V): 220-380V~ 3P+N+E
240-415V~
Protection degree: IP67



MPN-613 MPN-623

Vị trí cực nối đất	6h	
Dòng điện định mức (A)	16	32
Số cực	3	
Kích thước (mm)	a	75
	b	75
	c	61
	d	61
	e	25
	f	41
	g	5
	h	43
Tiết diện định mức dây cáp (mm ²)	1-2.5	2.5-6

Current(A): 16A, 32A
Voltage(V): 220-240V~2P+E
Protection degree: IP44



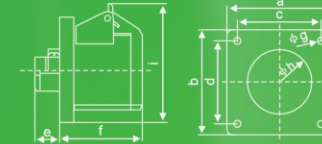
PHÍCH CẢM LOẠI CỐ ĐỊNH BẮT TRÊN BẢNG ĐIỆN

MPE



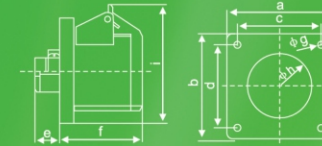
MPN-313 MPN-323

Current(A): 16A, 32A
Voltage(V): 220-240V~2P+E
Protection degree: IP44



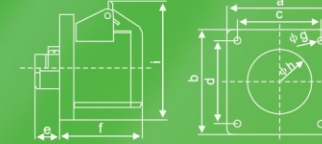
MPN-314 MPN-324

Current(A): 16A, 32A
Voltage(V): 380-415V~3P+E
Protection degree: IP44



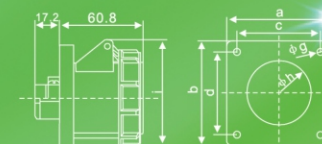
MPN-315 MPN-325

Current(A): 16A, 32A
Voltage(V): 220-380V~ 3P+N+E
240-415V~
Protection degree: IP44



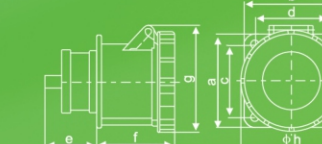
MPN-3252

Current(A): 16A, 32A
Voltage(V): 220-380V~ 3P+N+E
240-415V~
Protection degree: IP67



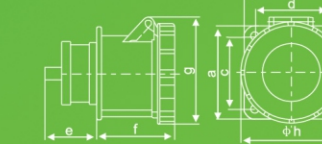
MPN-3342 MPN-3442

Current(A): 63A, 125A
Voltage(V): 380-415V~3P+E
Protection degree: IP67



MPN-3352 MPN-3452

Current(A): 63A, 125A
Voltage(V): 220-380V~ 3P+N+E
240-415V~
Protection degree: IP67



Vị trí cực nối đất	6h		
Dòng điện định mức (A)	16	32	
Số cực	pole	3	
Kích thước (mm)	axb	76	
	cx d	61	
	e	16	
	f	60	
	g	5.5	
	h	46	
	i	85	
	Tiết diện định mức dây cáp (mm ²)	1-2.5	2.5-6

Vị trí cực nối đất	6h		
Dòng điện định mức (A)	16	32	
Số cực	pole	4	
Kích thước (mm)	axb	76	
	cx d	61	
	e	17	
	f	60	
	g	5.5	
	h	53	
	i	88	
	Tiết diện định mức dây cáp (mm ²)	1-2.5	2.5-6

Vị trí cực nối đất	6h		
Dòng điện định mức (A)	16	32	
Số cực	pole	5	
Kích thước (mm)	axb	76	
	cx d	61	
	e	18	
	f	58	
	g	5.5	
	h	60	
	i	91	
	Tiết diện định mức dây cáp (mm ²)	1-2.5	2.5-6

Vị trí cực nối đất	6h		
Dòng điện định mức (A)	32		
Số cực	pole	5	
Kích thước (mm)	axb	76	
	cx d	61	
	e	22	
	f	73	
	g	5.5	
	h	60	
	i	102	
	Tiết diện định mức dây cáp (mm ²)	2.5-6	

Vị trí cực nối đất	6h	
Dòng điện định mức (A)	63	125
Số cực	pole	4
Kích thước (mm)	a	100
	b	100
	c	80
	d	80
	e	39
	f	94.5
	g	114
	h	80
	Tiết diện định mức dây cáp (mm ²)	6-16

Vị trí cực nối đất	6h	
Dòng điện định mức (A)	63	125
Số cực	pole	5
Kích thước (mm)	a	100
	b	100
	c	80
	d	80
	e	39
	f	94.5
	g	114
	h	80
	Tiết diện định mức dây cáp (mm ²)	6-16

Ổ CẮM LOẠI DI ĐỘNG CÓ KẸP GIỮ DÂY

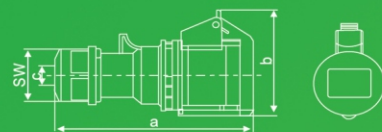
MPE



MPN-213 MPN-223

Vị trí cực nối đất	6h	
Dòng điện định mức (A)	16	32
Số cực	3	
Kích thước (mm)	a	129
	b	76
	c	6-15
	sw	38
Tiết diện định mức dây cáp (mm ²)	1-2.5	2.5-6

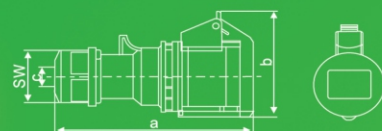
Current(A): 16A, 32A
Voltage(V): 220-240V~2P+E
Protection degree: IP44



MPN-214 MPN-224

Vị trí cực nối đất	6h	
Dòng điện định mức (A)	16	32
Số cực	4	
Kích thước (mm)	a	129
	b	76
	c	6-15
	sw	38
Tiết diện định mức dây cáp (mm ²)	1-2.5	2.5-6

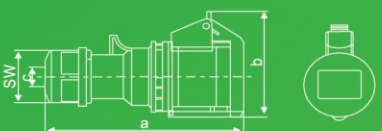
Current(A): 16A, 32A
Voltage(V): 220-240V~2P+E
Protection degree: IP44



MPN-215 MPN-225

Vị trí cực nối đất	6h	
Dòng điện định mức (A)	16	32
Số cực	5	
Kích thước (mm)	a	142
	b	89
	c	8-16
	sw	42
Tiết diện định mức dây cáp (mm ²)	1-2.5	2.5-6

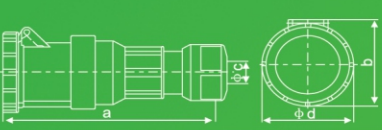
Current(A): 16A, 32A
Voltage(V): 220-380V~ 240-415V~ 3P+N+E
Protection degree: IP44



MPN-2342

Vị trí cực nối đất	6h	
Dòng điện định mức (A)	63	
Số cực	4	
Kích thước (mm)	a	261
	b	114
	c	30
	d	112
Tiết diện định mức dây cáp (mm ²)	6-16	

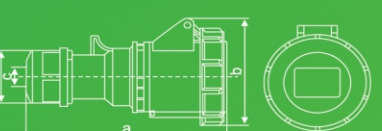
Current(A): 63A, 125A
Voltage(V): 380-415V~3P+E
Protection degree: IP67



MPN-2252

Vị trí cực nối đất	6h	
Dòng điện định mức (A)	16	32
Số cực	5	
Kích thước (mm)	a	145
	b	92
	c	8-16
	sw	42
Tiết diện định mức dây cáp (mm ²)	1-2.5	2.5-6

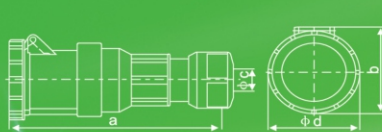
Current(A): 16A, 32A
Voltage(V): 220-380V~ 240-415V~ 3P+N+E
Protection degree: IP67



MPN-2352 MPN-2452

Vị trí cực nối đất	6h	
Dòng điện định mức (A)	63	125
Số cực	5	
Kích thước (mm)	a	261
	b	114
	c	30
	d	112
Tiết diện định mức dây cáp (mm ²)	6-16	16-50

Current(A): 63A, 125A
Voltage(V): 220-380V~ 240-415V~ 3P+N+E
Protection degree: IP67



MPN-2442

Vị trí cực nối đất	6h	
Dòng điện định mức (A)	63	125
Số cực	pole	4
Kích thước (mm)	a	261
	b	114
	c	30
	d	112
Tiết diện định mức dây cáp (mm ²)	6-16	16-50

Current(A): 63A, 125A
Voltage(V): 380-415V~3P+E
Protection degree: IP67



MPN-1013

Code:
1 plug 16A
Input: 220V 2P+E
3 Connector
Output: 16A 220V 2P+E
Protection degree: IP44
Color: Blue



MPN-C
Nút che ổ cắm công nghiệp
loại bắt tường IP 44

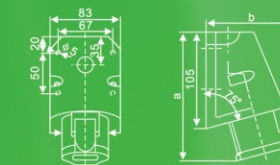
Ổ CẮM LOẠI CỐ ĐỊNH BẮT TRÊN TƯỜNG

MPE



MPN-113 MPN-123

Current(A): 16A, 32A
Voltage(V): 220-240V~2P+E
Protection degree: IP44

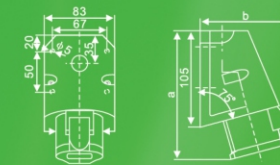


Vị trí cực nối đất	6h	
Dòng điện định mức (A)	16	32
Số cực	3	
Kích thước (mm)	a	137
	b	87
Tiết diện định mức dây cáp (mm ²)	1-2.5	2.5-6



MPN-114 MPN-124

Current(A): 16A, 32A
Voltage(V): 380-415V~3P+E
Protection degree: IP44

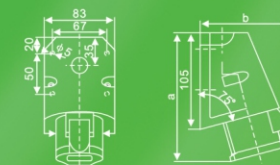


Vị trí cực nối đất	6h	
Dòng điện định mức (A)	16	32
Số cực	4	
Kích thước (mm)	a	139
	b	95
Tiết diện định mức dây cáp (mm ²)	1-2.5	2.5-6



MPN-115 MPN-125

Current(A): 16A, 32A
Voltage(V): 220-380V~ 240-415V~ 3P+N+
Protection degree: IP44

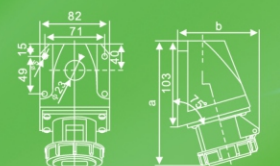


Vị trí cực nối đất	6h	
Dòng điện định mức (A)	16	32
Số cực	5	
Kích thước (mm)	a	138
	b	99
Tiết diện định mức dây cáp (mm ²)	1-2.5	2.5-6



MPN-1252

Current(A): 16A, 32A
Voltage(V): 220-380V~ 240-415V~ 3P+N+E
Protection degree: IP67

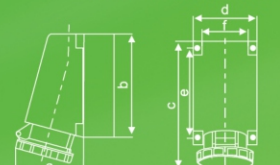


Vị trí cực nối đất	6h	
Dòng điện định mức (A)	32	
Số cực	5	
Kích thước (mm)	a	166
	b	109
Tiết diện định mức dây cáp (mm ²)	2.5-6	



MPN-1342 - MPN-1442

Current(A): 63A, 125A
Voltage(V): 380-415V~3P+E
Protection degree: IP67

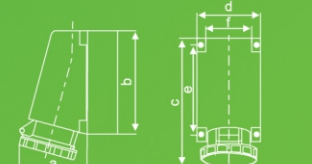


Vị trí cực nối đất	6h	
Dòng điện định mức (A)	63	125
Số cực	pole	4
Kích thước (mm)	a	171
	b	170
	c	250
	d	118
	e	137
	f	104
Tiết diện định mức dây cáp (mm ²)	6-16	16-50



MPN-1352

Current(A): 63A, 125A
Voltage(V): 220-380V~ 240-415V~ 3P+N+E
Protection degree: IP67

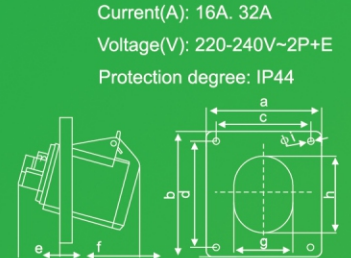


Vị trí cực nối đất	6h	
Dòng điện định mức (A)	63	
Số cực	5	
Kích thước (mm)	a	171
	b	170
	c	250
	d	118
	e	137
	f	104
Tiết diện định mức dây cáp (mm ²)	6-16	

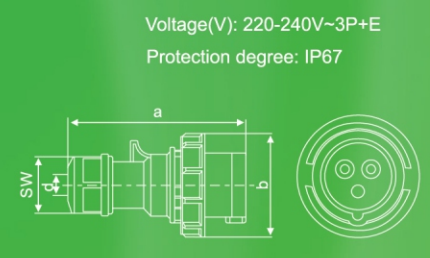
HIDE INCLINED SOCKET



earth contact position	6h	
rated current(A)	16	32
pole	3	
dimension(mm)	a b c d e f g h i	85 85 70 70 33 52 51 54 5.5
cable nominal cross-section area(mm ²)	1-2.5	2.5-6



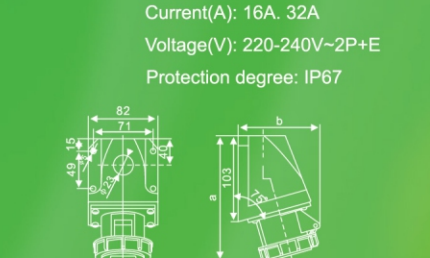
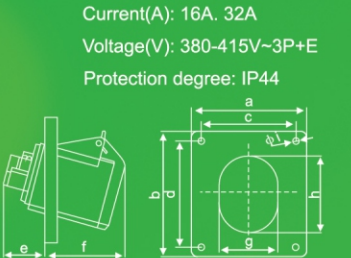
SWITCH & SOCKET



earth contact position	6h	
rated current(A)	16	32
pole	3	
dimension(mm)	a b c d sw	118 82 6-15 38
cable nominal cross-section area(mm ²)	1-2.5	2.5-6



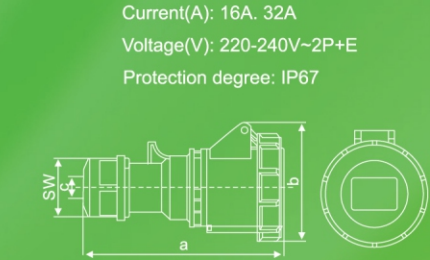
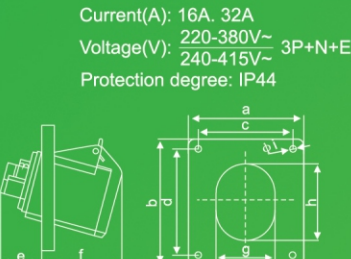
earth contact position	6h	
rated current(A)	16	32
pole	4	
dimension(mm)	a b c c' d e f g h i	85 85 70 70 33 52 57 58 5.5
cable nominal cross-section area(mm ²)	1-2.5	2.5-6



earth contact position	6h	
rated current(A)	16	32
pole	3	
dimension(mm)	a b	151 96
cable nominal cross-section area(mm ²)	1-2.5	2.5-6



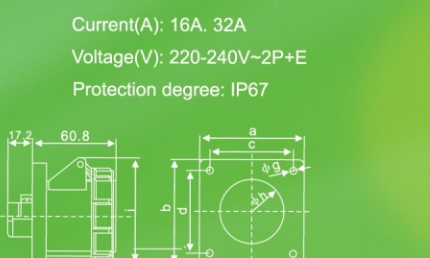
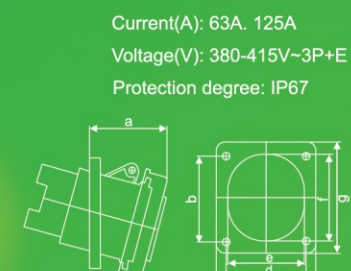
earth contact position	6h	
rated current(A)	16	32
pole	5	
dimension(mm)	a b c c' d e f g h i	85 85 70 70 35 52 64 68 5.5
cable nominal cross-section area(mm ²)	1-2.5	2.5-6



earth contact position	6h	
rated current(A)	16	32
pole	3	
dimension(mm)	a b c sw	133 78 6-15 38
cable nominal cross-section area(mm ²)	1-2.5	2.5-6



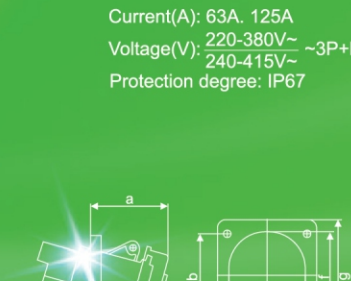
earth contact position	6h	
rated current(A)	63	125
pole	4	
dimension(mm)	a b c d e f g	83 90 96 81 80 88 113
cable nominal cross-section area(mm ²)	6-25	16-50



earth contact position	6h	
rated current(A)	16	32
pole	3	
dimension(mm)	axb cxd e f g h i	76 61 16 61 5.5 46 80
cable nominal cross-section area(mm ²)	1-2.5	2.5-6



earth contact position	6h	
rated current(A)	63	125
pole	5	
dimension(mm)	a b c d e f g	83 90 96 81 80 88 113
cable nominal cross-section area(mm ²)	6-25	16-50



Isolator-IP66

- SW-120
- SW-132
- SW-220
- SW-232
- SW-263
- SW-320
- SW-332
- SW-363



Combination switched sockets-IP66



S-315



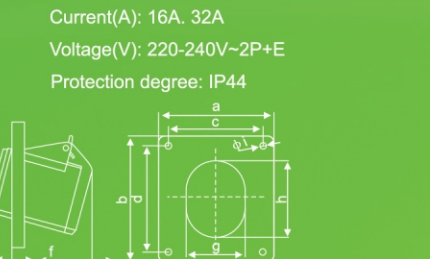
P-332

Phích cắm-Plug-IP66

S-332

P-315

P-332



earth contact position	6h	
rated current(A)	16	32
pole	3	
dimension(mm)	a b c c' d e f g h i	85 85 70 70 33 52 51 54 5.5
cable nominal cross-section area(mm ²)	1-2.5	2.5-6